

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2018/HS-ST
Ngày 04/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Xuân Tiên.

- Ông Phan Thành Tài.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HS ngày 24/9/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Sĩ N**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 04 tháng 08 năm 1988 tại T, Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 07, thôn A, B, T, Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Thợ la phong; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Võ D – SN 1965; Con bà: Phạm Thị H – SN 1967; Bị can là con thứ hai trong gia đình có 04 (bốn) anh em; bị can chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can hiện đang bị áp dụng Biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Trần Thị Thanh D - sinh ngày 01/11/2004 (có mặt).

Trú tại: Tổ 4, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

*** Người đại diện hợp pháp cho bị hại Trần Thị Thanh D:**

- Trần Đình Q – sinh năm 1965 (cha bị hại D).

- Nguyễn Thị M – sinh năm 1970 (mẹ bị hại D).

Cùng trú tại: Tổ 4, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Phạm Thị Đ – sinh năm 1969 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 7, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 06/7/2018, em Trần Thị Thanh D sau khi cùng bạn bè hát karaoke tại quán Galaxy tại khu vực ngã tư Q, B, T, Quảng Nam. Đến khoảng 23h45 phút thì nhóm bạn của D nghỉ chơi và chờ D về tới ngã tư Q để D lại đứng đây đợi sau khi bạn sửa xe xong sẽ quay lại đón. Đợi khoảng 15 phút mà không thấy bạn quay lại, lúc này Võ Sĩ N điều khiển xe mô tô 92H1- 405.23 (chủ sở hữu là bà Phạm Thị Đ di ruột của Võ Sĩ N), đến để làm quen, nói chuyện với D và ngỏ ý muốn chờ D về nhà. D đồng ý lên xe, đi được một đoạn D bảo “chờ về nhà thì ba mẹ đánh đuổi ra khỏi nhà”, N liền quay đầu xe lại và bảo chờ D đi xem đánh xóc đĩa, đến nơi D đòi về thì N tiếp tục điều khiển xe rủ D vào Tam kỳ xem bóng đá đến sáng rồi về, D đập tay vào lưng Nhật bảo chờ về. Khi đi đến trạm dừng nghỉ B, N đã quay đầu xe lại đi về hướng Đà Nẵng ra lại ngã tư Q. Nt chở D đi trên đường Quốc lộ 1A đến trước đoạn Ủy ban nhân dân xã B, trong lúc đi N vừa chạy xe vừa đưa tay trái lên cầm tay D nhưng D rút tay lại. Lúc này, N rẽ trái đi lên khi đến đoạn đường bê tông cắt ngang trước Ủy ban xã N rẽ trái đi thêm khoảng 15 mét thì dừng xe lại, vặn đề xe nổ máy. D bước xuống xe và bỏ chạy về hướng Ủy ban xã nhưng chỉ chạy được vài bước thì bị N ôm lại, N nói “Anh yêu em” đồng thời hôn vào môi D nhưng D né tránh được. N hôn vào cổ D thì D la lớn “Thả ra, chờ tôi về” nhiều tiếng nhưng N tiếp tục ôm D kéo D đi xuống mép lề đường, D la lớn “Cứu tôi với” nhiều tiếng. Ngay lập tức, N dùng khuỷu tay trái kẹp cổ D ghì cho D ngồi xuống đất, N ngồi bên phải của D đồng thời đưa bàn tay trái lên bịt miệng D không cho D kêu cứu. D dùng tay đẩy N ra nhưng do sức yếu không đẩy được. Khi đã giữ chặt D, Nhật đưa tay phải lên bóp vú của D từ bên ngoài vào bên trong áo. Do bị khống chế nên D không chống cự được mà chỉ ú ớ kêu cứu. N bóp vú D được khoảng 3-4 phút thì bị lực lượng dân phòng thôn A, xã B trong quá trình đi tuần tra phát hiện sự việc nên xông đến giải cứu. Lực lượng dân phòng đưa D và N về Ủy ban nhân dân xã B rồi điện báo Công an huyện T đến giải quyết.

Bản cáo trạng số: 49/CT-VKS ngày 12/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Võ Sĩ N về tội: “*Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*” quy định tại Khoản 1 Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình do vậy bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Sĩ N phạm tội “*Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*”. Áp dụng Khoản 1 Điều 146; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Sĩ N từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Sĩ N cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

*** Về vật chứng:** Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ những vật chứng sau: 01 (một) xe mô tô BKS 92H1 – 405.23, trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại 01 (một) xe mô tô BKS 92H1 – 405.23 trên cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về dân sự: Các bên đã thỏa thuận xong phần dân sự. Võ Sĩ N đã bồi thường cho Trần Thị Thanh D số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Ông Trần Đình Q là đại diện theo pháp luật cho Trần Thị Thanh D đã làm đơn bãi nại về dân sự và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xét.

Tại phiên Tòa bị cáo Võ Sĩ N thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố bị cáo Võ Sĩ N phạm tội: “*Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ý kiến của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Võ Sĩ N thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải, xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Võ Sĩ N có hành vi: Vào khoảng 24 giờ ngày 06/7/2018, sau khi đi chơi với bạn, em Trần Thị Thanh D đứng một mình tại ngã tư Q đợi bạn đến đón thì Võ Sĩ N điều khiển xe mô tô 92H1- 405.23 đến để làm quen, nói chuyện với D và ngỏ ý muốn chở D về nhà. D đồng ý lên xe. N chở D đến khu vực Ủy ban nhân dân xã B thì dừng xe lại. Tại đây, N có hành vi ôm, hôn vào cổ D, kéo D đi xuống mép lề đường. Sau đó, khi D kêu cứu N dùng khuỷu tay trái kẹp cổ D ghì cho D ngồi xuống đất, dùng tay trái lên bịt miệng D không cho D kêu cứu. D dùng tay đẩy N ra nhưng do sức yếu không đẩy được. Lúc này, N đưa tay phải lên bóp vú của D từ bên ngoài vào bên trong áo. Khoảng 3-4 phút thì bị lực lượng dân phòng thôn A, xã B trong quá trình đi tuần tra phát hiện sự việc.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Võ Sĩ Nt cấu thành tội: “*Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*” theo Khoản 1 Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015 như bản cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác một cách trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh. Bị cáo Võ Sĩ N có đầy đủ năng lực để điều khiển hành vi của mình, nhưng với tham muốn thấp hèn, lợi dụng đem tới vắng vẻ đã có hành vi dùng vũ lực, khống chế thực hiện hành vi hôn, bóp vú em Trần Thị Thanh D dưới 16 tuổi. Hành vi của bị cáo Võ Sĩ N thể hiện sự xem thường pháp luật nên trong lúc lượng hình xử phạt bị cáo một mức án thỏa đáng nhằm rèn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo Võ Sĩ N không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, mẹ bị tai nạn giao thông đang điều trị tại bệnh viện, cha bị tai biến, bà nội và bà nội cô đều già yếu không có khả năng lao động, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại có đơn bãi nại và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nhưng bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Phần dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị hại và bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ 01 (một) xe mô tô BKS 92H1 – 405.23. Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại 01 (một) xe mô tô BKS 92H1 – 405.23 trên cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị Đ nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

[7] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Tuyên bố: Bị cáo Võ Sĩ N phạm tội: “*Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*”.

2/ Hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 146; các Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Võ Sĩ N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Sĩ N cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3/ Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo Võ Sĩ N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) án phí HSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam
- VKS nhân dân tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T
- Những người TGT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Công Trường